TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/KDTM-ST
Ngày: 12-9-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Cần

Ông Tống Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Đỗ Thị Phương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 tháng 8 và 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 82/2025/TLST-KDTM ngày 20 tháng 5 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST- KDTM ngày 18 tháng 7 năm 2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2025/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 8 năm 2025, Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2025/TB-TA ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH I; địa chỉ: Lô C, ô số 9 và số A đường D, đường N và đường số D, khu công nghiệp S, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (Nay phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phan Hồ Ngọc N, sinh năm 1979; địa chỉ: 3 B, phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt

- *Bị đơn:* Công ty TNHH B; địa chỉ: thửa 23 tờ bản đồ số 32 khu phố F, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (Nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 12/3/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH I trình bày:

Công ty TNHH I (Sau đây gọi tắt là Công ty I) với Công ty TNHH B (Sau đây gọi tắt là Công ty B) ký Hợp đồng nguyên tắc số 482024/HĐNT-BW ngày 10/4/2024. Theo đó Công ty I cung cấp các loại tem dán cho Công ty B. Theo đơn đặt hàng của Công ty B, Công ty I đã hoàn thành việc in ấn, cung cấp và giao đầy đủ cho Công ty B. Tuy nhiên, Công ty B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 5 và khoản 2 Điều 6 của Hợp đồng nguyên tắc số 482024/HĐNT-BW ngày 10/4/2024. Công ty I đã tạo điều kiện cho Công ty B thực hiện nghĩa vụ nhưng Công ty B không làm đúng thỏa thuận. Tính đến ngày 12/3/2024, công nợ quá hạn của Công ty B còn nợ Công ty I là 340.488.998 đồng, cụ thể:

- Số hóa đơn 480 ngày 28/5/2024 số tiền hàng là 165.764.102 đồng, Công ty B đã thanh toán là 89.973.600 đồng, còn nợ là 75.790.502 đồng.
- Số hóa đơn 603 ngày 29/6/2024 số tiền hàng là 7.334.323 đồng chưa thanh toán
- Số hóa đơn 834 ngày 30/8/2024 số tiền hàng là 173.971.606 đồng chưa thanh toán.
- Số hóa đơn 974 ngày 30/9/2024 số tiền hàng là 46.720.951 đồng chưa thanh toán.
- Số hóa đơn 1297 ngày 27/12/2024 số tiền hàng là 36.671.616 đồng chưa thanh toán.

và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 12/9/2025 là 34.544.880 đồng.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm tại phiên toà sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Việc vắng mặt của bị đơn: Công ty TNHH B đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án:

[2] Công ty I khởi kiện Công ty B yêu cầu thanh toán số tiền 340.488.998 đồng, cụ thể:

- Số hóa đơn 480 ngày 28/5/2024 số tiền hàng là 165.764.102 đồng, Công ty B đã thanh toán là 89.973.600 đồng, còn nợ là 75.790.502 đồng.
- Số hóa đơn 603 ngày 29/6/2024 số tiền hàng là 7.334.323 đồng chưa thanh toán
- Số hóa đơn 834 ngày 30/8/2024 số tiền hàng là 173.971.606 đồng chưa thanh toán.
- Số hóa đơn 974 ngày 30/9/2024 số tiền hàng là 46.720.951 đồng chưa thanh toán.
- Số hóa đơn 1297 ngày 27/12/2024 số tiền hàng là 36.671.616 đồng chưa thanh toán.

Và tiền lãi chậm trả là 34.544.880 đồng với lãi suất 0,03%/ngày, tương đương 10,8%/năm.

Theo Văn bản số 744 ngày 25/6/2025 của Chi cục thuế Khu vực X thì Công ty B đã kê khai thuế đối với 03 hóa đơn giá trị gia tăng là 480, 834, 974, còn hóa đơn giá trị gia tăng số 603 không kê khai khấu trừ thuế do hàng bán trả lại. Tại phiên tòa, Công ty I trình bày, hóa đơn giá trị gia tăng số 603 không bị trả lại hàng.

Ngày 31/12/2024 Công ty I ban hành T xác nhận các khoản phải thu đối với Công ty B với tổng số tiền là 340.488.998 đồng và gửi cho Công ty B bằng đường bưu chính. Công ty B đã nhận được thư nhưng không phản hồi. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Công ty B tham gia tố tụng nhưng Công ty B vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai cũng như tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại Vi bằng số 381/2025/VB-TPL ngày 12/8/2025 của Văn phòng T1 thể hiện Công ty I đã gửi các hóa đơn giá trị gia tăng và biên bản đối chiếu công nợ của từng tháng cho Công ty B.

Do đó, Công ty I khởi kiện yêu cầu Công ty B trả số tiền 340.488.998 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về tiền lãi chậm thanh toán: Công ty I yêu cầu Công ty B thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán với lãi suất 0,03%/ngày (Tương đương 10,8%/năm). Hiện nay, mức lãi suất của Ngân hàng N1 từ 7%/năm đến 8,5%/năm, Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 từ 10,9%/năm đến 11,1%/năm, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ là 11,76%/năm. Bình quân lãi suất của ba ngân hàng từ 9,88%/năm đến 10,45%. Do đó, Công ty I yêu cầu Công ty B thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất 10,8%/năm là có cơ sở chấp nhận. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty I về việc buộc Công ty B có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi chậm trả từ ngày 12/7/2024 đến ngày 11/9/2025 là 34.544.880 đồng.

[3] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các điều 30, 35, 39, 147, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11, 24, 50, 55, 306 của Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH I.

Buộc Công ty TNHH B có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH I số tiền nợ 340.488.998 (Ba trăm bốn mươi triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn, chín trăm chín mươi tám) đồng và tiền lãi 34.544.880 (Ba mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn, tám trăm tám mươi) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH B phải chịu án phí sơ thẩm là 18.751.694 (Mười tám triệu, bảy trăm năm mươi mốt nghìn, sáu trăm chín mươi bốn) đồng.

- Công ty TNHH I không phải chịu án phí. Trả lại cho Công ty TNHH I số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.905.129 (Tám triệu, chín trăm lẻ năm nghìn, một trăm hai mươi chín) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002629 ngày 16/5/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND Khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh (để thi hành án);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Mỹ Trúc